

Số: **1092** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **12** tháng **6** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long phải đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển công nghiệp cả nước, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; phát huy lợi thế của từng tỉnh trong vùng, hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở phân bố hợp lý về không gian lãnh thổ, về cơ cấu của các ngành công nghiệp, nhằm

đóng vai trò là hạt nhân tăng trưởng, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực miền Tây Nam bộ

- Đầu tư có trọng điểm vào lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, có nguồn nguyên liệu dồi dào; đồng thời từng bước phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học và công nghệ cao.

- Phát triển công nghiệp hiệu quả và bền vững; bảo đảm an ninh quốc phòng, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu phát triển

- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp giai đoạn 2011-2015 đạt 15,12%; giai đoạn 2016-2020 đạt 14,18%;

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2015 đạt 17,55%; giai đoạn 2016-2020 là 15,86%.

- Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 38,79% năm 2015 và 42,61% năm 2020 trong cơ cấu kinh tế. Trong đó, riêng ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng 31,79% năm 2015 và 37,10% năm 2020.

3. Định hướng phát triển

- Tăng cường khai thác lợi thế về nguồn lao động dồi dào, điều kiện đất đai và nguyên liệu tại chỗ, nhất là nguồn nguyên liệu nông sản, thủy hải sản phục vụ công nghiệp chế biến. Tập trung phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh về nguyên liệu tại chỗ như chế biến nông sản, thủy hải sản và lợi thế cạnh tranh về lao động, mặt bằng so với địa bàn vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam như dệt may, giày dép; Tranh thủ cơ hội thu hút đầu tư để phát triển một số ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao hơn như cơ khí, thiết bị điện, điện tử.

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các ngành, các doanh nghiệp công nghiệp trong Vùng với các địa phương khác để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh sản phẩm công nghiệp. Hình thành sự phân công sản xuất, tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm.

3. Quy hoạch phát triển

3.1. Công nghiệp chế biến nông sản, thủy hải sản, thực phẩm

3.1.1. Đến năm 2020

a) Chế biến thủy sản

www.vanbanluat.vn

- Tiếp tục sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực chế biến thủy sản theo hướng công nghiệp hóa; hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành đổi mới trang thiết bị, công nghệ và mở rộng công suất chế biến; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân chế biến xuất khẩu và từng bước đầu tư thêm một số nhà máy chế biến có công suất cấp đông từ 5 tấn/ngày trở lên với công nghệ hiện đại gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung thuộc các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, An Giang. Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thực phẩm đóng hộp tại Cần Thơ.

- Xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm, thủy hải sản với công nghệ tiên tiến tại các vùng thuận lợi về nguyên liệu; đầu tư xây dựng các nhà máy thủy sản đông lạnh, nhà máy chế biến sâu các sản phẩm như: Dầu cá, cá tra xuất khẩu, cá cơm sấy đóng hộp, thủy sản tinh chế ăn liền, thực phẩm đóng hộp, thủy sản khô...

b) Chế biến lúa gạo

Tổ chức lại hệ thống chế biến lúa gạo theo hướng khuyến khích đổi mới thiết bị để nâng tỷ lệ thu hồi gạo; hình thành các trung tâm chế biến lớn có trang bị công nghệ liên hoàn, khép kín từ khâu làm khô, bảo quản, bốc dỡ, chế biến với thiết bị đồng bộ, gồm: bóc vỏ, xát trắng, phân loại và tách màu đối với cơ sở xay xát gạo chất lượng cao cho xuất khẩu. Sắp xếp lại hệ thống kho chứa phù hợp với sản lượng lúa gạo của từng tỉnh. Đầu tư mới hệ thống xy-clo tồn trữ nông sản ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang. Phát triển cụm xay xát, lau bóng gạo tại An Giang, Kiên Giang, chế biến tinh bột và bột dinh dưỡng tại An Giang.

c) Chế biến rau quả và đồ uống

Từng bước hiện đại hóa các cơ sở chế biến rau quả hiện có, trước mắt nâng công suất các nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu tại tỉnh Kiên Giang và An Giang. Cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sơ chế, bảo quản rau quả ở quy mô vừa và nhỏ.

Đầu tư nhà máy nước trái cây cô đặc, nhà máy chế biến rau tươi xuất khẩu, nhà máy chiên sấy các loại củ quả, nhà máy bia, nước giải khát, nước khoáng, nước giải khát có ga, chế biến sữa, các kho lạnh bảo quản tại Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang và Cà Mau.

d) Giết mổ và chế biến thịt

- Sắp xếp lại hệ thống cơ sở giết mổ theo hướng hạn chế và dần tiến tới xóa bỏ các cơ sở giết mổ thủ công, phân tán ở hộ gia đình và xây dựng các cơ

sở giết mổ tập trung xa khu dân cư có trang bị hệ thống kiểm dịch và xử lý môi trường. Khuyến khích các cơ sở chăn nuôi đầu tư dây chuyền công nghệ khép kín từ nuôi dưỡng đến giết mổ và tiêu thụ sản phẩm.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chăn nuôi lớn trang bị các dây chuyền giết mổ có quy mô công suất vừa và nhỏ từ 10-20 tấn/ngày; tiến tới xây dựng các cơ sở chế biến hiện đại có quy mô từ 10-20 ngàn tấn/năm. Xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm đóng hộp với quy mô vừa, thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, đặt tại khu công nghiệp với công suất chế biến khoảng 20.000 tấn thịt, cá nguyên liệu/năm.

- Đầu tư cơ sở chế biến xuất khẩu và tiêu dùng tại chỗ sản phẩm heo sữa, heo mảnh cấp đông, patê, xúc xích, thịt đóng hộp, thịt xông khói.

đ) Chế biến thức ăn chăn nuôi và thức ăn nuôi trồng thủy sản

Phát triển mạng lưới cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi và thức ăn nuôi trồng thủy sản gắn với vùng sản xuất tập trung; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi và thức ăn nuôi trồng thủy sản đầu tư dây chuyền chế biến có quy mô vừa và nhỏ (0,5-1 tấn/giờ); xây dựng một số xưởng chế biến bột cá có công nghệ và thiết bị tiên tiến nhằm giảm lượng nhập khẩu bột cá và hạ giá thành thức ăn, khuyến khích các thành phần kinh tế từng bước xây dựng nhà máy có quy mô lớn và chất lượng sản phẩm cao. Đầu tư các kho trữ đông có công suất 10.000 tấn/năm.

e) Sản xuất sản phẩm đồ gỗ và hàng thủ công mỹ nghệ

- Tập trung phát triển các cơ sở mộc sản xuất đồ gỗ gia dụng (tủ, giường, bàn, ghế, gỗ xây dựng, hàng trang trí nội thất). Đầu tư nhà máy sản xuất ván nhân tạo; ván ép Okal; ván gỗ MDF.

- Khuyến khích phát triển sản xuất hàng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống như đồ gỗ mỹ nghệ, mây, tre, lá, chiếu cói,... phục vụ cho nhu cầu du lịch.

3.1.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Hiện đại hoá các công nghệ nuôi trồng vùng nguyên liệu, chế biến sản phẩm để phát triển các vùng sản xuất tập trung từ nguyên liệu tới chế biến, chế biến sâu các sản phẩm bảo đảm đáp ứng các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm nghiêm ngặt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

- Đa dạng cơ cấu sản phẩm chế biến, đồng thời phát triển sản xuất một số loại sản phẩm chủ lực mang tính đặc trưng có giá trị và sức cạnh tranh cao để chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu.

3.2. Công nghiệp cơ khí, thiết bị điện, điện tử

3.2.1 Đến năm 2020

a) Công nghiệp cơ khí

- *Phân ngành sản xuất thép và kết cấu thép*: Triển khai các dự án nhà máy cán tôn, cán thép và cán nhôm định hình, dự án cơ khí phục vụ ngành dầu khí với giai đoạn đầu là đảm nhiệm chế tạo các kết cấu thép cho giàn khoan.

- *Phân ngành sản xuất thiết bị điện*: Đầu tư nhà máy thiết bị điện tử dân dụng và phụ trợ.

- *Phân ngành sản xuất máy và thiết bị*: Triển khai các dự án sản xuất, lắp ráp máy xây dựng; sản xuất máy nông nghiệp, máy và thiết bị chế biến nông, lâm, thủy sản ... Dự kiến giai đoạn đầu tập trung vào khâu bảo trì, bảo hành thiết bị đang hoạt động và trang bị mới một số thiết bị cho các địa phương.

- *Về trang thiết bị y tế*: Kêu gọi đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế: Sản phẩm giai đoạn đầu là các thiết bị y tế phổ thông trang bị cho các bệnh viện, trạm xá.

- *Phân ngành đóng và sửa chữa phương tiện thủy*: Dự kiến triển khai dự án đóng và sửa chữa tàu đến 10.000 tấn ở Cần Thơ và Cà Mau; các dự án nâng cao năng lực đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy nhỏ và vừa.

b) *Thiết bị điện, điện tử*: Triển khai các dự án: Trung tâm đo kiểm thiết bị cơ điện, điện tử, Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin; lắp ráp máy tính, thiết bị văn phòng.

3.2.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Đầu tư mở rộng và đầu tư mới một số dự án với yêu cầu về công nghệ và trình độ sản xuất cao hơn, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường khắt khe hơn. Ưu tiên cho các dự án cơ khí phục vụ ngành dầu khí với yêu cầu kỹ thuật cao hơn, đảm bảo nhu cầu bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị năng lượng và dầu khí; các thiết bị y tế kỹ thuật cao; đóng và sửa chữa các tàu công trình, tàu đánh cá chuyên dụng; sản xuất máy vi tính và lắp ráp đồ điện tử cao

cấp; tăng cường năng lực cho các Trung tâm nghiên cứu đo kiểm thiết bị cơ điện, điện tử, trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số dự án với công nghệ cao, hiện đại để sản xuất các thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất sạch, tiêu tốn ít vật tư, năng lượng, có giá trị gia tăng cao như thiết bị năng lượng sạch, thiết bị phương tiện thủy, bộ cao tốc... sử dụng vật liệu nhẹ; sản xuất thiết bị gia dụng chất lượng cao bằng vật liệu mới; chế tạo các thiết bị đo kiểm, thiết bị y tế tinh vi...

3.3. Công nghiệp hoá chất và sản phẩm hoá chất

3.3.1. Đến năm 2020

a) Nhóm sản phẩm hoá dầu, sản phẩm nhựa:

- Phát triển công nghiệp bao bì như các loại bao bì mềm đơn lớp và đa lớp phục vụ bao gói sản phẩm của ngành chế biến thủy hải sản xuất khẩu, túi shopping xuất khẩu, phù hợp các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Khuyến khích các dự án như sản xuất coffa nhựa, thanh định hình (Profile), các dự án mở rộng công suất và phụ kiện các loại ống nhựa truyền thống, tấm trần, tấm ốp tường và phụ kiện. Đầu tư phát triển loại ống nhựa HDPE kích thước lớn và có khả năng chịu áp lực cao dùng trong lĩnh vực cấp thoát nước ở các khu dân cư, khu công nghiệp...

b) *Nhóm các sản phẩm hóa dược* : Đầu tư phát triển các sản phẩm hóa dược đáp ứng nhu cầu thuốc chữa bệnh. Đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và mẫu mã cạnh tranh với thị trường trong và ngoài nước

c) *Nhóm các sản phẩm chất tẩy rửa*: Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ để duy trì sản xuất một số sản phẩm có chất lượng; đầu tư sản xuất các mặt hàng mới mà thị trường đang có nhu cầu như các loại hoá chất tẩy rửa dạng lỏng phục vụ nhu cầu tại chỗ.

d) *Nhóm phân bón*: Phát triển nhà máy đạm, nhà máy sản xuất khí amoniắc, ni tơ lỏng sử dụng từ khí tại Cà Mau. Khuyến khích sản xuất các loại phân NPK đặc chủng đáp ứng riêng cho từng loại cây trồng. Đầu tư nâng cao chất lượng, hạ giá thành, đa dạng hoá chủng loại (đặc biệt là những loại phân đặc chủng có hàm lượng dinh dưỡng cao) và sản phẩm thỏa mãn các yêu cầu ít ô nhiễm môi trường, ít bị rửa trôi... Nghiên cứu đầu tư sản xuất phân hữu cơ vi sinh được chế biến từ các nguồn rác thải dân dụng và than bùn có sẵn tại địa phương

3.3.2. Tầm nhìn đến 2030

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, xem xét mở rộng một số dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Các dự án định hướng là: Sản xuất phân đạm; các sản phẩm hóa dược; các sản phẩm nhựa dân dụng và nhựa kỹ thuật.

3.4. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

3.4.1 Đến năm 2020

a) Sản xuất xi măng

- Thực hiện theo quy hoạch phát triển xi măng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng các trạm nghiền xi măng trong vùng, không xây dựng các nhà máy sản xuất xi măng lò đứng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất xi măng được đầu tư theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại với mức độ cơ giới hóa và tự động hóa cao, tiêu tốn ít nhiên liệu, nguyên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Hoàn thành cải tạo, mở rộng các trạm nghiền hiện có để đáp ứng nhu cầu xi măng trong Vùng. Các nhà máy xi măng nghiên cứu sử dụng nhiệt thừa để sản xuất điện, giảm chi phí nhiệt năng và nghiên cứu sử dụng nguồn tro xỉ nhiệt điện để tận dụng nguyên liệu, kết hợp xử lý môi trường trong khu vực.

b) Sản xuất vật liệu xây, vật liệu lợp

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện công nghệ, ổn định sản xuất các cơ sở gạch tuynen hiện có để đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm và giảm giá thành sản xuất. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ sản xuất gạch thủ công.

- Đầu tư mới các dây chuyền sản xuất gạch, ngói không nung quy mô nhỏ và vừa với công nghệ tiên tiến sấy nung kết hợp trong lò tuynel, thiết bị nhào đùn hút chân không để sản xuất các loại gạch đặc và rỗng đạt tiêu chuẩn trong xây dựng.

- Khuyến khích phát triển sản xuất gạch tự chèn và bê tông nhẹ bằng xi măng, cát được sử dụng để xây tường, trần, sàn nhà cách nhiệt, cách âm; làm vật liệu chống nóng, chống xói mòn cho các công trình thủy lợi, làm nền đường...

- Đầu tư một số cơ sở sản xuất tôn lạnh trong Vùng.

c) Sản xuất bê tông

Đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông; Nhà máy bê tông tươi; nhà máy sản xuất cột bê tông dự ứng lực; nhà máy bê tông đúc sẵn sản xuất các trụ điện bê tông ly tâm, bê tông dân dụng, bê tông cầu đường, bê tông cốt thép dùng cho cấp thoát nước....

d) Sản xuất đá ốp lát và đá xây dựng

- Đầu tư chiều sâu đối với các cơ sở khai thác chế biến đá hiện có, đồng bộ hóa dây truyền thiết bị, phát huy tối đa công suất thiết bị. Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, giảm dần các đầu mối khai thác.

- Tập trung khai thác đá tại Kiên Giang và An Giang. Các cơ sở khai thác đá phải có công nghệ tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

đ) Khai thác và chế biến cát xây dựng, cát san lấp

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất các cơ sở khai thác cát trên cơ sở phân vùng khai thác hợp lý để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ các công trình giao thông và thủy lợi trên các tuyến sông, ven biển theo Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát sỏi lòng sông.

- Kêu gọi đầu tư dây chuyền sản xuất cát nghiền nhân tạo để thay thế một phần nhu cầu cát tự nhiên và tiết kiệm tài nguyên.

e) Sản xuất các loại vật liệu xây dựng khác

- Đầu tư xây dựng dây chuyền gạch lát hè bê tông màu chất lượng cao, gạch lát terrazzo;

- Đầu tư mở rộng làng nghề sản xuất gốm màu;

- Kêu gọi đầu tư nhà máy sản xuất tấm tường bằng vật liệu nhẹ, nhà máy sản xuất tấm trần cách âm.

3.4.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đã được phê duyệt. Sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp hơn như các loại sản phẩm dùng cho trang trí và hoàn thiện các công trình xây dựng dân dụng, công trình cho công nghiệp và quốc phòng.

- Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, xem xét mở rộng một số dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường như: Sản xuất các vật liệu ốp lát nội thất có khả năng ngăn ngừa sự ngưng tụ hơi nước, ngăn ngừa sự bám bẩn, có khả năng hút mùi hôi....; Sản xuất các loại vật liệu ốp lát ngoại thất có bề mặt là những loại hợp chất có khả năng chống thấm cao, chống bám dính, có khả năng tự làm sạch, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc.

3.5. Công nghiệp dệt may – da giày

3.5.1. Đến năm 2020

- Xây dựng trung tâm thời trang và nghiên cứu thiết kế mẫu làm đầu mối cung ứng nguyên phụ liệu và thương mại tại Cần Thơ. Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong thiết kế và phát triển sản phẩm;

- Đầu tư một số cụm công nghiệp chuyên ngành dệt may, da giày có cơ sở hạ tầng đủ điều kiện cung cấp điện, nước, xử lý nước thải đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường theo quy định;

- Đầu tư Trung tâm dệt may cao cấp xuất khẩu tại Cần Thơ. Sản xuất phụ liệu nhựa cho may mặc tại An Giang.

- Sản phẩm may mặc tập trung vào thiết kế gọn, mỏng, phù hợp với khí hậu nóng, ẩm. Sản phẩm da giày lựa chọn các loại sản phẩm không thấm nước, giày bảo hộ và chuyên dụng; Nghiên cứu sản xuất các loại giày từ nguyên liệu tại chỗ như da trâu, da cá sấu...

3.5.1. Tầm nhìn đến 2030

- Trên cơ sở các dự án đã đầu tư trong giai đoạn trước, nghiên cứu đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu các dự án có hiệu quả. Ngành da giày đầu tư dự án sản xuất nguyên phụ liệu nhựa và Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực..

- Đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu các dự án có hiệu quả; tập trung nghiên cứu thiết kế sản phẩm để có thương hiệu riêng.

3.6. Công nghiệp điện năng

3.6.1 Đến năm 2020

- Hoàn thành các dự án nguồn điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1208/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 7 năm 2011 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII) và các Trung tâm nhiệt điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phát triển lưới điện ở các cấp điện áp, đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện, nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện theo tiêu chí N-1, giảm thiểu tổn thất điện năng, tăng hiệu quả khai thác lưới điện.

3.6.2. Tầm nhìn đến 2030

Tiếp tục xây dựng và đưa vào vận hành đúng tiến độ các dự án nguồn điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1208/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 7 năm 2011 và các Trung tâm nhiệt điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phát triển lưới điện ở các cấp điện áp, đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện, nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện theo tiêu chí N-1, giảm thiểu tổn thất điện năng, tăng hiệu quả khai thác lưới điện.

4. Quy hoạch phân bố không gian

4.1. Công nghiệp chế biến nông sản, thủy hải sản, thực phẩm

- Chế biến thủy sản: xây dựng trung tâm tại Cà Mau, Kiên Giang; xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu tập trung tại các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, An Giang;

- Chế biến lúa gạo: xây dựng trung tâm tại Cần Thơ; xây dựng vùng cung cấp nguyên liệu tại Kiên Giang, An Giang;

- Chế biến rau quả và đồ uống: xây dựng trung tâm tại An Giang, Cần Thơ; các tỉnh trong Vùng cung cấp nguyên liệu;

- Giết mổ và chế biến thịt xuất khẩu: xây dựng trung tâm tại Cần Thơ, Kiên Giang; các tỉnh trong Vùng cung cấp nguyên liệu;

- Chế biến thức ăn chăn nuôi và thức ăn nuôi trồng thủy sản: tại tất cả các tỉnh trong vùng, ưu tiên chính vào Cà Mau, Kiên Giang là các điểm tiêu thụ trực tiếp.

4.2. Công nghiệp cơ khí, thiết bị điện, điện tử

- Tại Cần Thơ dự kiến phát triển sản xuất các loại máy phục vụ sản xuất nông nghiệp, máy chế biến nông sản, chế tạo các chi tiết máy, đồ gia dụng, cơ khí giao thông, đóng tàu và các dịch vụ sửa chữa cơ khí phục vụ cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tại An Giang dự kiến sẽ tập trung sản xuất máy nông nghiệp (máy gặt xếp dây, máy tách hạt, máy sấy tĩnh, sấy động ...), phương tiện vận tải thủy; lắp ráp, bảo dưỡng thiết bị văn phòng.

- Trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Kiên Giang dự kiến sẽ tập trung vào cơ khí đóng tàu, linh - phụ kiện phục vụ công nghiệp năng lượng, công nghiệp biển.

4.3. Công nghiệp hoá chất và sản phẩm hoá chất

- Cần Thơ: Dược phẩm, nhựa dân dụng, bao bì, bột giặt.

- An Giang: Phân vi sinh hữu cơ; hoá dược; bao bì, hộp nhựa.

- Kiên Giang: Phân vi sinh hữu cơ, sản phẩm từ Composite và sản phẩm phục vụ du lịch từ Composite, đồ chơi trẻ em.

- Cà Mau: Phân vi sinh hữu cơ, xăng và các sản phẩm từ lọc hoá dầu.

4.4. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Cần Thơ: Sản xuất vật liệu trang trí, tôn tráng kẽm, sản xuất bê tông và cấu kiện bê tông.

- An Giang: sản xuất gạch, ngói; đá ốp lát; gạch granit nhân tạo, gốm đen, sản xuất bê tông và cấu kiện bê tông.

- Kiên Giang: Sản xuất xi măng, đá xây dựng, sản xuất gạch, ngói; sản xuất bê tông và cấu kiện bê tông; vật liệu trang trí hoàn thiện...

- Cà Mau: sản xuất gạch, ngói; sản xuất loại ván ép ôkal từ phụ phẩm nông sản; bê tông, cấu kiện thép.

4.5. Công nghiệp dệt may – da giày

Ngành dệt may và da giày chủ yếu mới phát triển ở Cần Thơ và An Giang, sẽ tận dụng lợi thế thị trường và lao động để nhân rộng ra ở quy mô chi nhánh, nhà máy, xưởng sản xuất ở các khu, cụm công nghiệp tại Kiên Giang và Cà Mau. Tại Cần Thơ sẽ xây dựng các trung tâm nghiên cứu mẫu mã, thiết kế, các cơ sở sản xuất linh phụ kiện làm đầu tàu phát triển cho các địa phương trong Vùng.

5. Những giải pháp

5.1. Giải pháp trước mắt

- Tập trung đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, chú trọng phát triển công nghiệp gắn với tăng trưởng bền vững

Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các tuyến đường bộ liên tỉnh, một số cảng biển và cảng hàng không đạt đẳng cấp quốc tế theo quy hoạch giao thông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thu hút mọi hình

thức đầu tư, khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài, tham gia phát triển kết cấu hạ tầng; bảo đảm liên kết các phương thức vận tải; xây dựng các tuyến đường bộ trong Vùng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế; tạo nền tảng cho phát triển công nghiệp. Trên cơ sở quy hoạch phát triển điện lực cần có kế hoạch và các giải pháp bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất, đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp quan trọng trong Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

- Thu hút đầu tư có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án mang tính liên vùng, các dự án hướng về xuất khẩu, các dự án có quy mô lớn nhằm tạo sự đột phá là hạt nhân tăng trưởng, các dự án tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và thân thiện môi trường

Trong giai đoạn 2011 – 2020 tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án có quy mô lớn mang tính liên vùng, nâng cao chất lượng dự án đầu tư vào các khu công nghiệp; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn từ bên ngoài, thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ hiện đại, các dự án chuyển giao công nghệ.

- Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, ưu tiên các lĩnh vực tạo sản phẩm chế biến tinh có giá trị gia tăng cao.

Tập trung đầu tư hình thành khu nông - công nghiệp, khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học về tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, các khu công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

5.2. Giải pháp lâu dài

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực song song với việc tái cơ cấu các ngành công nghiệp Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng Sông Cửu Long theo hướng hiệu quả, bền vững.

Hình thành đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nghệ, nghiên cứu phát triển, quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thông hiểu pháp luật Việt Nam, có khả năng hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ người lao động tác phong công nghiệp, gắn bó với nghề, với doanh nghiệp. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn, lao động kỹ thuật cao. Tái cơ cấu các công nghiệp theo hướng phát triển những ngành có lợi thế so sánh, các ngành có giá trị tăng thêm cao, các ngành có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, từng

bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào các dây chuyền sản xuất và mạng lưới phân phối toàn cầu.

- Tập trung phát triển lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, tín dụng ngân hàng, vận tải kho bãi, thông tin liên lạc nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính, lưu thông hàng hóa, thông tin cho các doanh nghiệp.

Thu hút đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, phục vụ có hiệu quả nhu cầu vốn, thông tin liên lạc, dịch vụ viễn thông, dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ môi giới chuyển giao công nghệ, môi giới đầu tư và các dịch vụ khác có liên quan.

Nghiên cứu xây dựng Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ bảo vệ môi trường... nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

- Quan tâm phát triển các loại hình doanh nghiệp công nghiệp sạch, công nghiệp vừa và nhỏ với mô hình quản lý, liên kết kinh tế hiệu quả, bền vững trên địa bàn nông thôn, thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển công nghiệp sạch, ít tiêu hao năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp trên địa bàn nông thôn nhằm tạo bước chuyển biến trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp; nông thôn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long chỉ đạo phát triển công nghiệp theo Quy hoạch được phê duyệt, có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, tuyên truyền và phối hợp với các địa phương để cùng triển khai thực hiện và xây dựng các bước cụ thể theo định hướng nêu trong Quy hoạch; theo dõi việc thực hiện Quy hoạch.

- Kiến nghị với Chính phủ điều chỉnh cơ chế, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận

tái; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng của mình, chủ trì và phối hợp với Bộ Công Thương trong việc: Kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp; hỗ trợ tín dụng đầu tư có tính đặc thù đối với các doanh nghiệp công nghiệp trong Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long; hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động, nghiên cứu đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ; tăng cường đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp.

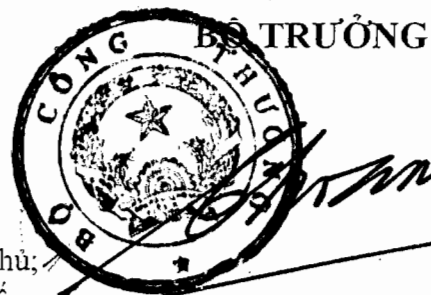
3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn mỗi tỉnh, thành phố cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long; đưa các nội dung triển khai quy hoạch công nghiệp vào kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm về phát triển công nghiệp trên địa bàn; phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (đề b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng Sông Cửu Long;
- Website Bộ Công Thương;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ,
- Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp;
- Lưu: VT, KH (2b).



Vũ Huy Hoàng

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHỦ YẾU
VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM ĐÔNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1092/QĐ-BCT
ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ công Thương)

1. Công nghiệp chế biến nông sản, thủy hải sản, thực phẩm

TT	Chương trình
	a) Chế biến thủy sản
1	Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành đổi mới trang thiết bị, công nghệ và mở rộng công suất chế biến.
2	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy sản đông lạnh, nhà máy chế biến sâu các sản phẩm...
	b) Chế biến lúa gạo
3	Hình thành các trung tâm chế biến lớn có trang bị công nghệ liên hoàn, khép kín. Đầu tư hệ thống xy-clo tồn trữ nông sản. Phát triển cụm xay xát, lau bóng gạo, chế biến tinh bột và bột dinh dưỡng.
	c) Chế biến rau quả và đồ uống
4	- Nâng công suất các nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu. Cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sơ chế, bảo quản rau quả ở quy mô vừa và nhỏ.
5	Đầu tư nhà máy nước trái cây cô đặc; Nhà máy chế biến rau tươi xuất khẩu; Nhà máy chiên sấy các loại củ quả; Nhà máy bia, nước giải khát, nước khoáng, nước giải khát có ga, chế biến sữa; Các kho lạnh bảo quản.
	d) Giết mổ và chế biến thịt
6	Sắp xếp lại hệ thống cơ sở giết mổ theo hướng hạn chế và dần tiến tới xóa bỏ các cơ sở giết mổ thủ công, xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung xa khu dân cư có trang bị hệ thống kiểm dịch và xử lý môi trường.
7	Xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm đóng hộp với quy mô vừa, thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, đặt tại khu công nghiệp với công suất chế biến khoảng 20.000 tấn thịt, cá nguyên liệu/năm.
8	Đầu tư cơ sở chế biến xuất khẩu và tiêu dùng tại chỗ sản phẩm heo sữa, heo mảnh cấp đông, patê, xúc xích, thịt đóng hộp, thịt xông khói tại các tỉnh trong vùng.
	d) Chế biến thức ăn chăn nuôi và thức ăn nuôi trồng thủy sản
9	Phát triển mạng lưới cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi và thức ăn nuôi trồng thủy sản gắn với vùng sản xuất tập trung. Xây dựng một số xưởng chế biến bột cá có công nghệ và thiết bị tiên tiến. Đầu tư các kho trữ đông có công suất 10.000 tấn/năm.
	e) Sản xuất sản phẩm đồ gỗ và hàng thủ công mỹ nghệ
10	Đầu tư xây dựng các cơ sở mộc sản xuất đồ gỗ gia dụng. Đầu tư nhà máy sản xuất ván nhân tạo; ván ép Okal; ván gỗ MDF.
11	Đầu tư sản xuất hàng sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống phục vụ cho nhu cầu du lịch.

2. Công nghiệp cơ khí, thiết bị điện, điện tử

STT	Chương trình
1	Chương trình phát triển các dự án nhà máy cán tôn, cán thép và cán nhôm định hình; Dự án cơ khí phục vụ ngành dầu khí với giai đoạn đầu là đảm nhiệm chế tạo các kết cấu thép cho dàn khoan.
2	Chương trình đầu tư sản xuất thiết bị điện tử dân dụng và phụ trợ
3	Chương trình phát triển các dự án sản xuất, lắp ráp máy xây dựng; Sản xuất máy nông nghiệp, máy và thiết bị chế biến nông, lâm, thủy sản
4	Chương trình sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế
5	Chương trình đầu tư các dự án đóng và sửa chữa tàu đến 10.000 tấn; Các dự án nâng cao năng lực đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy nhỏ và vừa.
6	Chương trình đầu tư các dự án: Trung tâm đo kiểm thiết bị cơ điện, điện tử; Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin; Lắp ráp máy tính, thiết bị văn phòng.

3. Công nghiệp hóa chất và sản phẩm hoá chất

STT	Chương trình
1	Chương trình đầu tư các dự án hóa dầu sử dụng từ khí bao gồm: Nhà máy đạm, nhà máy sản xuất khí amoniác, ni tơ lỏng, sản xuất bao bì PP, PE.
2	Chương trình đầu tư các dự án hóa dược đáp ứng nhu cầu thuốc chữa bệnh. Phục vụ thị trường trong và ngoài nước.
3	Chương trình đầu tư các dự án sản xuất chất tẩy rửa dạng lỏng.
4	Chương trình đầu tư các dự án sản xuất phân bón, sản xuất các loại phân NPK đặc chủng; Đầu tư sản xuất phân hữu cơ vi sinh được chế biến từ các nguồn rác thải dân dụng và than bùn.
5	Chương trình đầu tư các dự án sản xuất các sản phẩm nhựa như bao bì cho chứa, đựng, bao gói sản phẩm. Các dự án như sản xuất Coffa nhựa, thanh định hình (Profile), các dự án mở rộng công suất và phụ kiện các loại ống nhựa. Đầu tư phát triển loại ống nhựa HDPE kích thước lớn.

4. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

TT	Chương trình
1	Chương trình đầu tư các dự án sản xuất các loại vật liệu thông thường, có nguồn nguyên liệu tại chỗ như: sản xuất xi măng, vật liệu xây, vật liệu lọc, đá xây dựng, cát sỏi xây dựng...
2	Chương trình đầu tư các dự án sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp hơn như các loại sản phẩm dùng cho trang trí và hoàn thiện các công trình xây dựng dân dụng, công trình cho công nghiệp và quốc phòng.

5. Công nghiệp dệt may- da giày

TT	Chương trình
1	Chương trình đầu tư xây dựng trung tâm thời trang và nghiên cứu thiết kế mẫu
2	Chương trình đầu tư xây dựng một số cụm công nghiệp chuyên ngành dệt may, da giày
3	Chương trình đầu tư xây dựng trung tâm dệt may cao cấp xuất khẩu: Đầu tư sản xuất phụ liệu nhựa cho may mặc.
4	Ngành da giày đầu tư dự án sản xuất cặp da, túi, giày thể thao.....

6. Công nghiệp sản xuất và phân phối điện năng

TT	Chương trình
1	Chương trình phát triển các dự án nhiệt điện sử dụng dầu và khí: nhiệt điện than dùng than nhập khẩu
2	Chương trình phát triển lưới điện ở các cấp điện áp, đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện